

CÔNG TY CP CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

Mẫu số B 03 - D/N

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOAN

TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN

Số: 18788

Giới: Ngày 28 tháng 1 năm 09

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	T. minh	LK 9T 09	Năm 2008
I- Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		90.095.570.926	1.141.471.311
1. Lợi nhuận trước thuế				
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		40.216.351.974	40.256.451.142
- Khấu hao TSCĐ	03		0	5.070.633.953
- Các khoản dự phòng	04		0	1.343.753.130
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		0	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	06		18.540.575.205	40.844.462.556
- Chi phí lãi vay	08		148.852.498.105	88.656.772.092
3. Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	09		(46.335.486.237)	2.148.483.198
- Tăng, giảm các khoản phải thu	10		54.968.592.941	(63.857.666.163)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	11		32.611.687.531	(38.076.814.818)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			0	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		75.266.525	(1.341.701.333)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(16.268.240.182)	(42.218.393.628)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.885.899.997)	(1.443.592.430)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		47.232.782.873	1.798.885.458
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(37.030.668.074)	(4.409.070.723)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		180.220.533.485	(58.743.098.347)
II- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XDung TSCĐ và các TSản DHan khác	21		(3.302.472.810)	(23.518.478.534)
2. Tiền thu từ thanh lý, NBán TSCĐ và các TSản DH khác	22		5.578.182	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đ.vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		0	(79.867.410)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		29.381.664	39.175.552
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		227.618.005	1.013.508.560
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.039.894.959)	(22.545.661.832)
III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành CPhiếu, nhận vốn góp của CSHhư	31		0	
2. Tiền chi trả v.góp cho các CSH, mua lại CPhiếu của DN đã P	32		0	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		334.448.477.380	542.347.554.319
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(460.300.408.701)	(461.628.800.363)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(8.947.011.890)	(7.404.441.847)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho CSHhư	36		(9.343.576.500)	(6.222.758.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(144.142.519.711)	67.091.554.109
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		33.038.118.815	(14.197.206.070)
Tiền và tương tiền đầu kỳ	60		7.671.424.045	21.857.493.229
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			11.136.886
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	31	40.709.542.860	7.671.424.045

Lập, Ngày 19 tháng 10 năm 2009

Người lập biểu
(Ký)

Le Thi Thanh Kieu

Le Thi Thanh Kieu

Kế toán trưởng
(Ký)

Dao Thi Hoa

Dao Thi Hoa



Phạm Quang Rong